Tạp chí Lý Luận Chính Trị Và Truyên Thông

Tạp chí điện tử tiếng Việt - Tập 32, Số 10 (2026)

Kiểm soát nguy cơ "tham nhũng chính sách" trong xây dựng chính sách, pháp luật ở Việt Nam hiện nay

Ngày nhận bài: 16/10/2026 | **Ngày phản biện:** 20/10/2026 | **Ngày xuất bản:** 29/10/2026

Tác giả: Lưu Văn Quảng (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

DOI: 10.66057/llcttt-31951

Tóm tắt: Nguy cơ "tham nhũng chính sách" xuất hiện khi quyền xây dựng chính sách, pháp luật bị sử dụng để phục vụ lợi ích riêng không chính đáng. Bài viết nhận diện nguy cơ này qua mối quan hệ giữa thẩm quyền quyết định, khả năng tác động của các bên và trách nhiệm giải trình. Ba khâu được xem xét gồm lựa chọn vấn đề và phương án chính sách; chuyển phương án thành quy định pháp luật; chỉnh lý, thông qua và cụ thể hóa quy định. Các giải pháp tập trung vào xác định trách nhiệm của từng chủ thể, làm rõ quá trình hình thành quyết định, nâng cao năng lực kiểm soát và bảo đảm sự tham gia thực chất của người dân.

1. Đặt vấn đề

Trong xây dựng chính sách, cơ quan có thẩm quyền lựa chọn vấn đề cần giải quyết và phương án xử lý. Khi được thể chế hóa thành pháp luật, những lựa chọn này trở thành quy tắc bắt buộc về quyền và nghĩa vụ. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền cần kiểm soát quá trình này để quyền lực phục vụ lợi ích chung. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ thể chế, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 141).

Yêu cầu kiểm soát quyền lực càng cần thiết khi công tác lập pháp được đổi mới để đáp ứng nhiệm vụ phát triển đất nước. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 gắn việc nâng cao chất lượng xây dựng, thi hành pháp luật với đổi mới tư duy và kiểm soát quyền lực (Bộ Chính trị, 2025). Tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV đã thông

qua 51 luật và 39 nghị quyết (Quốc hội, 2025). Khối lượng công việc này đòi hỏi hoạt động kiểm soát trong quá trình lập pháp phải bảo đảm chất lượng.

Các nghiên cứu về chi phối chính sách đã chỉ ra nguy cơ quyết định công không phục vụ lợi ích chung và tác động của hối lộ (Hellman et al., 2000, tr. 3, 7; OECD, 2017, tr. 19). Vấn đề cần làm rõ là cách kiểm soát những nguy cơ này trong xây dựng pháp luật ở Việt Nam. Bài viết đặt câu hỏi: lợi ích riêng không chính đáng có thể chi phối quyết định như thế nào và quyền lực cần được kiểm soát ra sao? Phân tích bao quát từ lựa chọn vấn đề, xác định phương án chính sách đến chuyển các phương án thành quy định pháp luật, qua đó làm rõ chủ thể tác động, người quyết định, căn cứ lựa chọn và trách nhiệm của từng bên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận vấn đề từ góc độ chính trị học, tập trung phân tích quan hệ giữa quyền lực công, lợi ích và trách nhiệm giải trình. Đối tượng nghiên cứu là nguy cơ lợi ích riêng không chính đáng chi phối quá trình xây dựng chính sách, pháp luật ở Việt Nam, từ lựa chọn vấn đề, đến ban hành và cụ thể hóa quy định.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, kết hợp so sánh và tổng hợp. Nguồn tài liệu bao gồm văn kiện của Đảng, văn bản pháp luật, báo cáo và góp ý của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) giai đoạn 2024 - 2026, cùng các nghiên cứu quốc tế về chi phối, tác động đến quá trình hoạch định chính sách. Các tài liệu được đối chiếu để làm rõ thẩm quyền quyết định, khả năng tác động của các bên và nghĩa vụ giải trình.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Nhận diện nguy cơ "tham nhũng chính sách"

Nguy cơ "tham nhũng chính sách" xuất hiện khi quyền xây dựng các quy tắc chung có thể bị sử dụng để phục vụ lợi ích riêng không chính đáng. Người đánh giá cần phân biệt sự lạm dụng quyền lực công với sai sót chuyên môn.

- Nội hàm và ranh giới của khái niệm "tham nhũng chính sách"

Theo OECD, chi phối chính sách là tình trạng các quyết định công liên tục hoặc nhiều lần phục vụ lợi ích riêng thay vì lợi ích chung, thông qua những kênh hợp pháp hoặc bất hợp pháp (OECD, 2017, tr.19). Hellman, Jones và Kaufmann nghiên cứu sự chi phối quá trình hình thành chính sách của nhà nước thông qua các khoản hối lộ bất hợp pháp, đồng thời phân biệt hiện tượng này với tham nhũng trong thực thi (Hellman et al., 2000, tr.3,7). Hai cách tiếp cận có phần giao thoa nhưng không đồng nhất.

Pháp luật Việt Nam xác định tham nhũng gắn với việc người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi (Văn phòng Quốc hội, 2026, Điều 3). Quy định số 178-QĐ/TW đề cập việc cố ý đưa vào hoặc không đưa vào văn bản những nội dung vì lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ không chính đáng, gây thiệt hại cho Nhà nước và Nhân dân (Bộ Chính trị, 2024). Trên cơ sở đó, bài viết dùng khái niệm "tham nhũng chính sách" để chỉ việc cố ý lạm dụng quyền lực công vì vụ lợi, làm sai lệch lựa chọn và nội dung chính sách, pháp luật, gây tổn hại lợi ích công.

Một quy định chính sách có lợi cho doanh nghiệp chưa hẳn đã là sản phẩm của tham nhũng. Chính sách hỗ trợ các nhóm yếu thế cũng tạo ra lợi ích cho những nhóm này, nhưng đó là lợi ích chính đáng. Ngược lại, việc tuân thủ đầy đủ quy trình xây dựng chính sách, pháp luật chưa đủ để bảo đảm nội dung chính sách không bị lợi ích riêng chi phối. Do đó, việc đánh giá một chính sách cần xem xét mục tiêu công của chính sách, căn cứ lựa chọn của cơ quan có thẩm quyền, các quan hệ lợi ích và phương thức tác động. Những sai số trong dự báo, hoặc các bất đồng về chuyên môn chỉ trở thành căn cứ nghi ngờ khi có thêm các bằng chứng về việc cố ý bóp méo, che giấu thông tin hoặc lạm dụng quyền hạn vì mục đích không chính đáng.

- Bản chất chính trị của nguy cơ "tham nhũng chính sách"

Từ góc độ chính trị, nguy cơ này thể hiện qua ba phương diện.

Thứ nhất, "tham nhũng chính sách" làm sai lệch quan hệ đại diện. Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; cơ quan công quyền được trao thẩm quyền lựa chọn chính sách nhân danh Nhân dân. Khi một nhóm sử dụng ưu thế tiếp cận người có quyền quyết định để định hướng chính sách vì lợi ích riêng không chính đáng, quyền lực được trao có thể xa rời mục tiêu phục vụ xã hội.

Thứ hai, thông tin và dữ liệu có thể bị làm sai lệch có chủ ý. Nếu đã chịu sự chi phối của nhóm lợi ích, chủ thể hoạch định có thể chỉ tìm kiếm, sử dụng thông tin ủng hộ phương án có lợi cho nhóm đó. Cách lựa chọn thông tin này có thể định hướng kết luận trước khi cơ quan có thẩm quyền biểu quyết.

Thứ ba, lợi thế không chính đáng có thể kéo dài khi lợi ích cục bộ được chuyển thành quy tắc áp dụng chung. Tuy nhiên, đây mới là phân tích về cơ chế có thể dẫn đến tham nhũng. Cơ quan có thẩm quyền phải có bằng chứng cụ thể mới có thể kết luận về hành vi tham nhũng.

3.1.2. Những nguy cơ "tham nhũng chính sách" trong quá trình xây dựng chính sách, pháp luật ở Việt Nam

Lựa chọn vấn đề và phương án chính sách có thể ảnh hưởng đến lợi ích của các nhóm ngay khi chưa có dự thảo. Vì vậy, việc nhận diện nguy cơ phải bao quát từ lựa chọn chính sách đến soạn thảo, chỉnh lý và ban hành quy định pháp luật.

- Nguy cơ chi phối việc lựa chọn vấn đề và phương án chính sách

Trước hết, cách xác định vấn đề chính sách ảnh hưởng đến hướng thảo luận. Nếu vấn đề của một nhóm nhỏ được diễn giải thành vấn đề chung mà chưa được kiểm chứng, phương án xử lý dễ thiên về bảo vệ nhóm đó. Trong khi ấy, người tiêu dùng, người lao động hoặc doanh nghiệp nhỏ có thể phải gánh chịu chi phí chưa được tính toán đầy đủ. Nguy cơ tăng lên khi cơ quan soạn thảo phụ thuộc vào dữ liệu do bên hưởng lợi cung cấp mà thiếu nguồn đối chiếu.

Bên cạnh đó, các nhóm lợi ích cục bộ cũng có thể tác động đến việc xác định sự cần thiết phải điều chỉnh một chính sách. Các cơ quan đề xuất chính sách tham gia sâu vào quá trình này và có thể được giao thẩm quyền thực hiện sau khi chính sách được thông qua. Tuy nhiên, cơ quan đó cũng có thể muốn duy trì quyền quản lý của mình. Tình huống này tạo ra những xung đột tiềm tàng, nhưng chưa đủ để kết luận cơ quan đề xuất có động cơ vụ lợi. Vì vậy, việc kiểm tra độc lập cần làm rõ có thực sự cần ban hành chính sách đó, hay có thể sử dụng công cụ chính sách khác.

Nguy cơ cũng xuất hiện khi cơ quan hoạch định lựa chọn phương án chưa được thảo luận hoặc bỏ qua các phương án thay thế. Nếu hồ sơ chỉ giải thích vì sao cần mở rộng sự can thiệp của Nhà nước, khả năng giữ nguyên chính sách hoặc sử dụng công cụ khác dễ bị bỏ qua. Ngược lại, trì hoãn sửa đổi chính sách lỗi thời có thể bảo vệ lợi thế

sẵn có của một nhóm. Quy định số 178-QĐ/TW đã nhận diện hành vi cố ý trì hoãn sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ văn bản vì lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ (Bộ Chính trị, 2024). Giám sát vì thế cần xem xét cả việc ban hành mới và trì hoãn sửa đổi.

- Nguy cơ chuyển lợi ích riêng thành nội dung quy định của pháp luật

Khi phương án chính sách được chuyển thành quy định pháp luật, nguy cơ lợi ích riêng chi phối tiếp tục xuất hiện qua việc xác định các tiêu chí, điều kiện hoặc trường hợp ngoại lệ. Chẳng hạn, cơ quan soạn thảo có thể đề xuất một mức vốn tối thiểu, đưa ra các yêu cầu kỹ thuật, hoặc điều kiện tiếp cận nguồn lực với lý do phục vụ công tác quản lý. Những yêu cầu đó có thể tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp đã đáp ứng điều kiện, nhưng lại trở thành rào cản đối với các doanh nghiệp nhỏ. Nếu tiêu chí được chủ ý đặt ra theo đặc điểm của một số chủ thể, quy định pháp luật có thể bảo vệ lợi ích của những nhóm này và gây trở ngại cho các nhóm khác.

Dù vậy, doanh nghiệp cũng có thể đề xuất sửa những quy định bất hợp lý. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) từng kiến nghị sửa quy định khiến doanh nghiệp vay vốn ngân hàng bị coi là có quan hệ liên kết, dù ngân hàng không tham gia quản lý hoặc góp vốn vào doanh nghiệp. Quy định này có thể khiến một phần lãi vay không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế (VCCI, 2025, tr. 36-37). Trong góp ý ngày 17/9/2024 đối với dự thảo sửa đổi Nghị định số 132/2020/NĐ-CP, VCCI ghi nhận dự thảo đã loại trừ trường hợp trên và đề nghị áp dụng cả cho kỳ tính thuế 2022-2023 đối với doanh nghiệp bị ảnh hưởng (VCCI, 2024). Nghị định số 20/2025/NĐ-CP sau đó bổ sung các trường hợp loại trừ có điều kiện, áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2024, đồng thời quy định cách xử lý chi phí lãi vay chưa được trừ của các năm trước (Chính phủ, 2025).

Trường hợp này cho thấy cần phân biệt góp ý chính đáng với tác động nhằm giành lợi ích không chính đáng. Doanh nghiệp hưởng lợi từ sửa đổi chưa có nghĩa là có tham nhũng; việc Nhà nước tiếp thu kiến nghị cũng chưa chứng minh tham nhũng đã được ngăn chặn. Người đánh giá phải xem xét lý do sửa đổi và tác động đối với các nhóm khác.

Nguy cơ "tham nhũng chính sách" còn xuất hiện khi quy định trao cho người thực hiện quyền quyết định quá rộng nhưng thiếu tiêu chí kiểm soát rõ ràng. Nếu pháp luật không xác định rõ ai được hưởng lợi, phải đáp ứng điều kiện gì và được hưởng đến

mức nào, thì người thực hiện có thể quyết định những vấn đề đó theo hướng có lợi cho một số chủ thể. Vì vậy, hoạt động kiểm soát quyền lực cần làm rõ cả nội dung ưu đãi, chủ thể được trao quyền quyết định và giới hạn quyền hạn của chủ thể đó.

- Nguy cơ né tránh kiểm soát trong chỉnh lý, thông qua và cụ thể hóa quy định

Sau tham vấn, một thay đổi nhỏ về trường hợp ngoại lệ hoặc phạm vi áp dụng cũng có thể làm thay đổi đáng kể nhóm hưởng lợi và nhóm chịu thiệt. Nếu báo cáo chỉnh lý chỉ nêu các sửa đổi kỹ thuật, cơ quan quyết định khó nhận ra thay đổi về nội dung chính sách. Quy định số 178-QĐ/TW đề cập việc che giấu thông tin, ý kiến hoặc cố ý đưa thêm nội dung mà không báo cáo theo yêu cầu (Bộ Chính trị, 2024). Dấu hiệu cần chú ý là sự khác biệt giữa bản trình cuối cùng và bản đã được xem xét nhưng không có giải thích tương ứng.

Ở giai đoạn cụ thể hóa, nguy cơ có thể xuất hiện trong văn bản hướng dẫn thi hành. Cơ quan giao quyền cần xác định cấp dưới được quyết định vấn đề gì, dựa trên tiêu chí nào và phải chịu trách nhiệm ra sao. Nếu văn bản dưới luật đặt thêm điều kiện làm thay đổi khả năng hưởng quyền, hoạt động kiểm soát phải theo dõi cả chuỗi quyết định từ luật đến văn bản quy định chi tiết. Sự thiếu nhất quán giữa các văn bản có thể làm sai lệch mục tiêu ban đầu.

3.1.3. Cơ chế kiểm soát quyền lực hiện nay và những vấn đề đặt ra

Việt Nam đã có cơ sở chính trị, pháp lý để kiểm soát quyền lực trong xây dựng chính sách, pháp luật. Vấn đề cần đánh giá là các quy định này giúp kiểm soát lựa chọn chính sách và xác định trách nhiệm của người quyết định đến mức nào.

- Những cơ sở chính trị và pháp lý đã được xác lập

Về pháp lý, Hiến pháp xác định quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân và quy định sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp (Văn phòng Quốc hội, 2025a, Điều 2). Hoạt động lập pháp vì thế phải chịu sự kiểm soát; cơ quan ban hành phải giải trình về quyết định của mình. Văn kiện Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh phòng ngừa tham nhũng và kiểm soát thể chế trong xây dựng chính sách, pháp luật (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026, tr. 141).

Về tổ chức, Quy định số 178-QĐ/TW kết nối kiểm tra, giám sát của Đảng với kiểm soát quyền lực trong cơ quan nhà nước và giám sát xã hội (Bộ Chính trị, 2024). Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 1/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV yêu cầu tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, gắn với hoàn thiện thể chế và kiểm soát quyền lực (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2026). Đây là cơ sở xem xét trách nhiệm chính trị, công vụ và pháp lý tùy tính chất hành vi.

Về quy trình, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật yêu cầu phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm và quy định trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý (Văn phòng Quốc hội, 2025b). Luật Phòng, chống tham nhũng quy định việc báo cáo và xử lý xung đột lợi ích (Văn phòng Quốc hội, 2026). Các cơ quan phải thực hiện nhất quán những nghĩa vụ này.

- Những vấn đề cần đánh giá trong vận hành cơ chế kiểm soát

Thứ nhất, mức độ tham gia của các bên phải được đánh giá cùng chất lượng phản hồi. Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh 2025 ghi nhận VCCI có 568 ý kiến đối với 92 văn bản đã ban hành; 301 ý kiến được tiếp thu, tương ứng 52,99% (VCCI, 2026, tr. 141). Đây là kết quả góp ý trong phạm vi báo cáo. Việc không chấp nhận một kiến nghị cũng có thể xuất phát từ yêu cầu bảo vệ lợi ích công.

Thứ hai, một hồ sơ chính sách đã qua đầy đủ các thủ tục chưa chắc đã được kiểm soát tốt về nội dung. Hồ sơ có thể đủ thành phần nhưng chưa chỉ rõ ai chịu chi phí, ai được hưởng lợi khi chính sách được thực thi. Cơ quan kiểm tra cần xem xét vấn đề này trong từng hồ sơ cụ thể. Để đánh giá thực chất, cơ quan này phải đối chiếu các đề xuất với hệ thống dữ liệu đầu vào, xem lại các phương án chính sách bị loại bỏ và những nội dung cần giải trình, thay vì chỉ đếm số trang tài liệu, hoặc số lượng các cuộc họp đã thực hiện.

Thứ ba, nhiều chủ thể cùng tham gia có thể làm phân tán trách nhiệm. Cơ quan chủ trì, đơn vị thẩm định và chủ thể quyết định có chức năng khác nhau. Nếu trách nhiệm đối với từng nội dung, từng thời điểm không rõ ràng, sự tham gia của nhiều bên chưa chắc nâng cao hiệu quả kiểm soát. Quyền hạn thực tế phải đi cùng nghĩa vụ giải trình

tương ứng.

- Nguyên nhân và yêu cầu đặt ra đối với kiểm soát quyền lực

Xét về cơ chế, những nguy cơ trên có thể xuất hiện khi các nhóm xã hội có khả năng tập hợp, bảo vệ lợi ích khác nhau, thông tin giữa các bên có sự bất đối xứng và quyền quyết định không gắn với trách nhiệm tương ứng. Các nhóm có tiềm lực mạnh dễ duy trì đội ngũ chuyên gia theo dõi quá trình xây dựng chính sách. Trong khi đó, các nhóm chịu thiệt hại thường khó tập hợp, nên tiếng nói ít có ảnh hưởng. Nếu cơ quan công quyền không chủ động khắc phục sự chênh lệch này, việc tham vấn chính sách có thể chỉ phản ánh được lợi ích của một số nhóm.

Mặt khác, sự chuyên môn hóa trong hoạch định chính sách là cần thiết, nhưng cũng tạo ra sự phụ thuộc vào thông tin và đánh giá chuyên môn. Cơ quan kiểm soát khó nắm được tất cả dữ liệu trong lĩnh vực mình phụ trách. Việc xem xét, chấp nhận những đề nghị và đánh giá của bên đề xuất vì thế có thể gặp khó khăn. Các bên cần tăng cường khả năng kiểm tra chéo thay vì đòi hỏi một chủ thể phải hiểu biết đầy đủ mọi vấn đề. Nguồn lực kiểm soát cần được phân bổ phù hợp với mức độ ảnh hưởng của từng khâu trong quá trình hoạch định chính sách.

Việc quy trách nhiệm phải gắn với hệ quả quyết định và khả năng sửa sai. Cơ quan có thẩm quyền cần điều chỉnh kịp thời những điều khoản bất hợp lý; việc xác minh hành vi vụ lợi phải dựa trên chứng cứ riêng. Hai quá trình cần phối hợp nhưng không thay thế nhau. Cách tiếp cận này vừa bảo vệ lợi ích chung, vừa tránh tâm lý né tránh quyết định vì sợ mọi kết quả ngoài dự kiến đều bị quy là tham nhũng.

3.1.4. Giải pháp kiểm soát nguy cơ "tham nhũng chính sách" trong xây dựng chính sách, pháp luật

Các giải pháp cần ngăn ngừa việc sử dụng sai quyền lực, đồng thời bảo đảm năng lực quyết định và đổi mới chính sách. Trọng tâm là làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể và căn cứ lựa chọn trên cơ sở các thiết chế hiện có.

- Gắn quyền quyết định với trách nhiệm giải trình và kiểm soát xung đột lợi ích

Trước hết, cơ quan chủ trì cần xác định trách nhiệm đối với quyết định ảnh hưởng lớn đến lợi ích của các nhóm, nhất là mục tiêu điều chỉnh, điều kiện hạn chế quyền và phạm vi giao quyền hướng dẫn áp dụng. Với từng nội dung, hồ sơ nên ghi rõ đơn vị đề

xuất, người chịu trách nhiệm báo cáo và chủ thể quyết định. Cách làm này cụ thể hóa trách nhiệm trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, giúp phân biệt trách nhiệm giữa các khâu (Văn phòng Quốc hội, 2025b).

Trong từng dự án, cơ quan chủ trì có thể yêu cầu người được giao nhiệm vụ báo cáo quan hệ lợi ích liên quan trực tiếp và cập nhật khi nhiệm vụ thay đổi, trên cơ sở Điều 23 Luật Phòng, chống tham nhũng (Văn phòng Quốc hội, 2026). Cơ quan có thẩm quyền cần áp dụng biện pháp tương xứng như bổ sung giám sát hoặc điều chỉnh phân công. Xung đột lợi ích không đồng nghĩa với tham nhũng; điều cần ngăn chặn là lợi ích riêng chi phối nhiệm vụ. Người quyết định cũng phải giải thích vì sao phương án được chọn đáp ứng mục tiêu công tốt hơn phương án khác.

- Nâng cao chất lượng công khai và khả năng truy nguyên lựa chọn chính sách

Với chính sách quan trọng, báo cáo đánh giá tác động cần nêu rõ nguồn dữ liệu, thời điểm thu thập và nhóm còn thiếu thông tin. Nếu dữ liệu do bên hưởng lợi cung cấp, cơ quan soạn thảo cần công bố nguồn để các bên đối chiếu, đồng thời tuân thủ quy định bảo vệ thông tin.

Khi dự thảo thay đổi quan trọng về nội dung sau tham vấn, cơ quan chủ trì cần giải trình căn cứ và tác động mới, đồng thời xác định việc lấy ý kiến bổ sung theo quy định. Cơ quan thẩm định, thẩm tra phải được tiếp cận hồ sơ cập nhật để xem xét.

- Tăng cường năng lực thẩm định, thẩm tra và hiệu quả kiểm tra, giám sát

Cơ quan thẩm định, thẩm tra cần xem xét tính hợp pháp, tính khả thi và tác động đối với các nhóm hưởng lợi, chịu chi phí. Việc này đặc biệt cần thiết khi đánh giá điều kiện kinh doanh, ưu đãi, phân bổ nguồn lực hoặc trường hợp ngoại lệ. Chuyên gia phản biện phải được tiếp cận dữ liệu và công khai quan hệ lợi ích liên quan. Các cơ quan cũng cần nâng cao năng lực kiểm tra chéo trong cơ cấu hiện có.

Các cơ quan của Đảng và Nhà nước cần phân định rõ đối tượng, thẩm quyền kiểm tra, giám sát và sử dụng kết quả của nhau theo quy định. Sự lãnh đạo của Đảng cần xác lập định hướng, bảo đảm quyền lực được sử dụng đúng và phát huy trách nhiệm của cơ quan quyết định.

Cơ quan chức năng cần ưu tiên kiểm soát dự án, chính sách ảnh hưởng lớn đến lợi ích của các nhóm. Sau ban hành, theo dõi tác động thực tế giúp phát hiện lợi thế bất

thường và bất hợp lý trong thiết kế. Trên cơ sở đó, cơ quan có thẩm quyền cần rà soát quy định; khi có dấu hiệu tiêu cực, cơ quan chức năng phải xác minh nguyên nhân và trách nhiệm trong xây dựng, ban hành.

- **Bảo đảm sự tham gia thực chất và phát huy giám sát xã hội**

Sự tham gia thực chất đòi hỏi người tham gia phải có cơ hội trình bày ý kiến của mình và ý kiến đó có khả năng được xem xét. Cơ quan soạn thảo chính sách cũng cần chủ động nhận diện các nhóm chịu tác động của chính sách, từ đó lựa chọn cách tham vấn phù hợp.

Để tránh việc quá trình tham vấn bị một số cá nhân chi phối, cơ quan chủ trì nên công khai cách lựa chọn đối tượng được tham vấn và lý do tiếp thu hoặc không tiếp thu các kiến nghị quan trọng. Cơ quan này cần xem xét ý kiến của cả doanh nghiệp và người dân.

Các cơ quan có thẩm quyền cần phản hồi có trách nhiệm trước giám sát xã hội. Phản ánh của báo chí, giới nghiên cứu và người dân về dấu hiệu bất thường, kể cả vấn đề bộc lộ qua thực thi, phải được tiếp nhận, chuyển đúng cơ quan và trả lời phù hợp. Hiệu quả tham vấn cần được đánh giá qua chất lượng giải trình, khả năng phát hiện, điều chỉnh bất cập. Sự tham gia của xã hội vừa nâng cao chất lượng chính sách, pháp luật, vừa củng cố niềm tin vào việc thực hiện quyền lực.

3.2. Thảo luận

Kết quả phân tích cho thấy cơ quan kiểm soát cần xem xét căn cứ lựa chọn chính sách và cách phân bổ lợi ích. Một quy định dù được xây dựng đúng quy trình vẫn cần được đánh giá về nội dung và trách nhiệm của người quyết định.

Nhận định này gần với cách tiếp cận của OECD về nguy cơ chính sách bị chi phối qua kênh hợp pháp và bất hợp pháp (OECD, 2017, tr. 19). Hellman và cộng sự nhấn mạnh vai trò của hối lộ trong quá trình hình thành quy tắc (Hellman et al., 2000, tr. 3, 7). Bài viết vận dụng hai cách tiếp cận này để nhận diện nguy cơ ở từng khâu, gắn quyền quyết định với trách nhiệm giải trình tại Việt Nam.

Trường hợp góp ý của VCCI cho thấy lợi ích doanh nghiệp không nhất thiết đối lập với lợi ích công. Người đánh giá cần xem xét lý do sửa đổi, căn cứ tiếp thu và tác động đến

các nhóm khác. Vì thế, số ý kiến được tiếp thu chưa đủ để đánh giá hiệu quả phòng ngừa tham nhũng.

Nguồn tài liệu thứ cấp và một trường hợp minh họa chưa đủ để xác định mức độ phổ biến của nguy cơ hoặc quan hệ nhân quả giữa tác động của các bên với quyết định chính sách. Nghiên cứu tiếp theo cần đối chiếu hồ sơ nhiều lĩnh vực, kết hợp phỏng vấn để kiểm chứng các cơ chế đã nhận diện.

4. Kết luận

Kiểm soát nguy cơ "tham nhũng chính sách" cần được thực hiện từ lựa chọn vấn đề, xác định phương án đến soạn thảo, chỉnh lý, ban hành và cụ thể hóa pháp luật. Trọng tâm là ngăn ngừa lợi ích riêng không chính đáng chi phối lựa chọn công và xác định trách nhiệm của người tham gia quyết định. Từ góc độ chính trị, hoạt động kiểm soát phải làm rõ lợi ích của ai được đưa vào chính sách, ai lựa chọn và ai phải giải trình. Tác động thực tế là căn cứ tiếp tục rà soát những quyết định đã ban hành.

Cơ quan có thẩm quyền cần làm rõ trách nhiệm, kiểm soát xung đột lợi ích và công khai căn cứ lựa chọn. Những biện pháp này giúp người có thẩm quyền thực hiện trách nhiệm khi quyết định, đồng thời bảo đảm đổi mới chính sách dựa trên căn cứ chính đáng./.

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2026). Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 1/4/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới.

Bộ Chính trị. (2024). Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Chính phủ. (2025). Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/2/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5/11/2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao

dịch liên kết.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I). Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Hellman, J. S., Jones, G., & Kaufmann, D. (2000). "Seize the state, seize the day": State capture, corruption, and influence in transition (Policy Research Working Paper No. 2444). World Bank.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. (2024, ngày 17 tháng 9). VCCI góp ý Dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2020/NĐ-CP về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. https://vcci.com.vn/gop-y-phap-luat/vcci-gop-y-du-thao-nghi-dinh-sua-doi-nghi-dinh-132-2020-nd-cp-ve-quan-ly-thue-doi-voi-doanh-nghiep-co-giao-dich-lien-ket

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. (2025). Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh 2024. Nhà xuất bản Công Thương.

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. (2026). Báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh Việt Nam 2025. Nhà xuất bản Đồng Nai.

OECD. (2017). Preventing policy capture: Integrity in public decision making. OECD

Quốc hội. (2025). Nghị quyết số 265/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV.

Văn phòng Quốc hội. (2025a). Văn bản hợp nhất số 52/VBHN-VPQH ngày 21/7/2025: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. H

Văn phòng Quốc hội. (2025b). Văn bản hợp nhất số 54/VBHN-VPQH ngày 11/8/2025: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Văn phòng Quốc hội. (2026). Văn bản hợp nhất số 65/VBHN-VPQH ngày 23/3/2026: Luật Phòng, chống tham nhũng.